Tương Ưng Sāriputta (Sāriputta Saṃyutta)

Kinh Tương Ưng Bộ (VNC PHVN, 2020)

28. TƯƠNG ƯNG SÃRIPUTTA (SẴRIPUTTASAMYUTTÀ)

I. KINH DO VIỄN LY SANH(yỉvekajasuttẩ)x (5. III. 235) 332. Một thời, Tôn giả Sãriputta trú ở Sãvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm)5 vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Tôn giả Sãriputta, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát9 đi vào Sãvatthi để khất thực. Đi khất thực xong, sau bữa ăn5 trên con đường trở về? Tôn giả đi đến Andhavana để nghỉ trưa. Sau khi đi vào Andhavana, Tôn giả đến ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây. Rồi Tôn giả Sãriputta, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy, đi đến Jetavana, vườn ông Anâthapindika. Tôn giả Ãnanda thấy Tôn giả Sãriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sãriputta: -Hiền giả Sãriputta, các căn của Hiền giả lắng dịu5 sắc mặt được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay, Hiền giả an trú với sự an trú nào? Ở dây, này Hiền giả, ly dục, ly pháp bất thiện, tôi chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này Hiền giả, tôi không khởi len ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Thiền thứ nhaf^ hay: "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ nhất", hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ nhất.^, Như vậy? chăc chăn Hiên giả trong một thời gian dài đã khéo nhô tận gôc các tùy miên ngã kiến, ngã sở kiến5 ngã mạn. Do vậy, Tôn giả Sãriputta không khởi lên ý nghĩ: "T6i đang chứng nhập Thiền thứ nhất', hay: "T6i đã chứng nhập Thiến thứ nhất", hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ nhất."

II. KINH KHÔNG TÀM (Avitakkasutta) (5. III. 235) 333. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn giả Ãnanda thấy Tôn giả Sãriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sãriputta: —Hiên giả Sãriputta, các căn của Hiên giả lăng dịu5 săc mặt được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay, Hiền giả an trú với sự an trú nào? Ở đây5 này Hiền giả5 làm cho lắng dịu tầm và tứ, tôi đã chứng đạt và an trú 1 Bản tiếng Anh của PTS: Solitude, nghĩa là Viễn ly. Bản Hán: Ly (#.15. 0006.28.1. 0354a05).

Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tôi không có khởi lên ý nghĩ: "T6i đang chứng nhập Thiền thứ hai", hay: "T6i đã chứng nhập Thiền thứ hai", hay: "T6i đã ra khỏi Thiền thứ hai." Như vậy, chắc chắn Hiền giả trong một thời gian dài, đã khéo nhổ tận gốc các tùy miên ngã kiến5 ngã sở kiến, ngã mạn. Do vậy, Tôn giả Sãriputta không khởi lên ý nghĩ: "T6i đang chứng nhập Thiến thứ hai", hay: "T6i đã chứng nhập Thiền thứ hai", hay: "T6i đã ra khỏi Thiền thứ hai." III. KINH HỶ (Pĩtisuttd) (5. III. 236) 334. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn giả Ãnanda thấy Tôn giả Sãriputta từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Sãriputta: Hiền giả Săriputta, các căn của Hiền giả lắng dịu, sắc mặt được thanh tịnh, trong sáng. Hôm nay, Hiên giả an trú với sự an trú nào? Ở đây, này Hiền giả5 ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là: "Xả niệm lạc trú", t6i chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "T6i đang chứng nhập Thiền thứ ba", hay: "T6i đã chứng nhập Thiền thứ ba", hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ ba." Như vậy, chắc chắn Hiền giả trong một thời gian... hay: "Tôi đã ra khỏi Thiền thứ

ba.” IV. KINH XẢ (Upekkhãsutta) (5. III. 237) 335. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn giả Ananda thây Tôn giả Sãriputta từ xa đi đên... với sự an trú nào? Ở dây, này Hiền gi,xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, tôi chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Hiền giả? tôi không khởi lên ý nghĩ: "T6i đang chứng nhập Thiền thứ tư", hay: "Tôi đã chứng nhập Thiền thứ tư”, hay: "T6i đã ra khỏi Thiền thứ tư." Như vậy, chắc chắn Hiền giả... hay: "T6i đã ra khỏi Thiền thứ tư." V. KINH KHÔNG VÔ BIÊN xứ (Ẫkãsãnancãyatanasuttà) (S. III. 237) 336. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn giả Ãnanda thấy... với sự an trú nào? Ở đây, này Hiền giả, vượt lên hoàn toàn sắc tưởng, đoạn diệt hữu đối tưởng, không tác ý các dị tưởng, với ý nghĩ: "Hu không là vô biên,\ tôi chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ... hay: “T6i đã ra khỏi Không vô biên xứ." Như vậy, chắc chắn Hiền giả... "Tôi đã ra khỏi Không vô biên xứ.” VI. KINH THỨC VÔ BIÊN xứ (Vỉnnãnancãyatanasutta) (S III. 237) 337. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn giả Ảnanda thấy... với sự an trú nào?

Ở đây, này Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Không vô biên xứ, với ý nghĩ: “Thức là vô biên5\ tôi chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ... hay: "Tôi đã ra khỏi Thức vô biên xứ.”

VII. KINH VÔ SỞ HỮU XỨ (Ẫkincaíinãyatanasutta) (S III. 237) 338. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn giả Ãnanda thấy... với sự an trú nào? Ở dây, này Hiền giả5 vượt qua hoàn toàn Thức vô biên xứ5 với ý nghĩ: "Không có vật gi”, tôi chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ... hay: "Tôi đã ra khỏi Vô sở hữu xứ.99

VIII. KINH PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG xứ (Nevasannữnãsannãyatanasutta) (S III. 237) 339. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn giả Ãnanda thấy... với sự an trú nào? Ở đây, này Hiền gi,vượt qua hoàn toàn Vô sở hữu xứ, tôi chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ... hay: “T6i đã ra khỏi Phi tưởng phi phi tưởng xứ."

IX. KINH DIỆT TẬN ĐỊNH (Nirodhasamãpattìsutta)2 (5. III. 238) 340. Nhân duyên ở Sãvatthi. Tôn giả Ãnanda thấy... với sự an trú nào? Ở dây, này Hiền giả? vượt qua hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tôi chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định. Nhưng này Hiên giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "T6i đang chứng nhập Diệt thọ tưởng định9\ hay: "T6i đã chứng nhập Diệt thọ tưởng định9\ hay: "T6i đã ra khỏi Diệt thọ tưởng djnh.” Như vậy? chắc chắn Hiền giả trong một thời gian dài đã khéo nhổ tận gốc các tùy miên ngã kiến5 ngã sở kiến, ngã mạn. Do vậy, Tôn giả Sãriputta không khởi lên ý nghĩ: "T6i đang chứng nhập Diệt thọ tưởng djnh”hay: "T6i đã chứng nhập Diệt thọ tưởng djnh”, hay: "T6i đã ra khỏi Diệt thọ tưởng định." X. KINH SŨCIMUKHĨ (Sũcimukhĩsutta) (S IIL 238) 341. Một thời, Tôn giả Sãriputta trú ở Rajagaha (Vương Xá)? VeỊuvana (Trúc Lâm)? tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rôi Tôn giả Sãriputta, vào buôi sáng, đăp y, câm y bát, đi vào Rajagaha đê khât thực. Sau khi đi khất thực từng nhà một ở Rặjagaha5 Tôn giả ngồi dựa vào một bức tường, dùng đồ ăn khất thực.

2 Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.499. 0131a25).

Rồi một nữ du sĩ ngoại đạo Sũcimukhĩ (Tịnh Diện) đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sãriputta: Này Sa-môn5 có phải ông ăn5 cúi mặt xuống? Này chị, tôi ăn9 không cúi mặt xuông. Vậy Sa-môn, ông ăn, ngưỡng mặt lên? Này chj, tôi ăn, không ngưỡng mặt lên. -Vậy này Sa-môn9 ông ăn5 hướng mặt về bốn phương chính? Này chị5 tôi ăn? không có hướng mặt về bốn phương chính. -Vậy này Sa-môn, ông ăn? hướng mặt về bốn phương phụ? Này chị, tôi ăn? không có hướng mặt về bốn phương phụ. Được hỏi: "Này Sa-môn, có phải ông ăn5 cúi mặt xu6ng?"ông trả lời: uNày chị, tôi ăn, không cúi mặt xuong?5 Được hỏi: "Vậy này Sa-môn, ông ăn9 ngưỡng mặt len?9\ ông đáp: "Này chị, tôi ăn, không ngưỡng mặt 16n." Được hỏi: "Vậy này Sa-môn, ông ăn5 hướng mặt về bốn phương chính?"ông đáp: "Này chị, tôi ăn, không hướng mặt về bốn phương chính." Được hỏi: "Vậy Sa-môn5 ông ãn? hướng mặt vê bốn phương phụ?,\ ông đáp: "Này chị, tôi ăn5 không hướng mặt về bốn phương phu." Vậy này Sa-môn5 ông ăn5 hành động như thế nào? Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này chị, nuôi sống bằng những tà mạng như địa lý (yatthuvijja) và súc sanh minh (nghề hèn hạ); này chị, các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn cúi mặt xuống. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này chị, nuôi sông băng những tà mạng như thiên văn (nakkhattavijja) và súc sanh minh (nghề hèn hạ), này chị9 các vị ấy được gọi là các Sa-môn, Bà-la-môn ăn ngưỡng mặt lên. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này chị, nuôi sống bằng những tà mạng như đưa tin tức, làm trung gian môi gi&i, này chị5 các vị ấy được gọi là các Sa-môn5 Bà-la-môn ăn hướng mặt vê bôn phương chính. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này chị5 nuôi sông băng những tà mạng như bói toán và các nghề hèn hạ, này chị9 các vị ấy được gọi là các Sa-môn9 Bà-la-môn ăn hướng mặt về bốn phương phụ. Còn ta, này chị5 ta kh6ng nuôi sông băng những tà mạng như địa lý và các nghề hèn hạ; ta không nuôi sông băng những tà mạng như thiên văn và các nghề hèn hạ; ta không nuôi sống bằng những tà mạng như đưa tin tức5 làm trung gian môi giới; ta cũng không nuôi sông băng những tà mạng như bói toán và các nghề hèn hạ. Ta tìm cầu món ăn một cách hợp pháp. Sau khi tìm món ăn một cách hợp pháp, ta dùng các món ăn ấy. Rôi nữ du sĩ ngoại đạo Sũcimukhĩ đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư này qua ngã tư khác ở thành Vương Xá9 và tuyên bô: "Sa-môn Thích tử dùng các món ăn một cách hợp pháp. Sa-môn Thích tử dùng các món ăn một cách không có lỗi lầm. Hãy cúng dường các món ăn cho Sa-môn Thích tử."

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.